TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 02-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải.

Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 585/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở số B, đường N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Đức Thạnh D, chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Vũ Hoàng Trung H. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh kiêm Trưởng phòng giao dịch (Vắng mặt).

(Theo Quyết định 3272/2022/QĐ-PL ngày 26-12-2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

- *Người được ủy quyền lại*: Bà Lê Thị Phương T. Chức vụ: CVQLTD và KSRR – Ngân hàng S (Có mặt).

Địa chỉ số F, đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Theo Giấy ủy quyền số 53/2023/GUQ – PGD Rạch Dừa ngày 22-6-2023)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ số B, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày: Ngày 19-6-2018, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị Ngọc H1 ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 356480-6812 – MC Contactless Cre Gold, loại thẻ Master, theo đó, hai bên thỏa thuận hạn mức tín dụng là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), bà H1 được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần; Lãi suất trong hạn là 2,766%/tháng; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau; Lãi quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, bà H1 còn phải chịu các khoản phí khác theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đã thực hiện các giao dịch số tiền là 9.500.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.742.103đồng.

Mặc dù, đã được ngân hàng thông báo nhắc nhở nhiều lần về việc trả nợ nhưng bà H1 không thực hiện nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ 11.672.248đồng của bà H1 sang nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 22-4-2023. Đồng thời, Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 17.241.583đồng, trong đó nợ gốc là 11.672.248đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 22-4-2023 đến ngày 01-4-2024 là 5.569.335 đồng và lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

3. Tại phiên tòa: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận tính đến ngày 01-4-2024, bà H1 còn nợ ngân hàng với tổng số tiền là 17.241.583đồng (Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi mốt ngàn, năm trăm tám ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 11.672.248đồng (Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 22-4-2023 đến ngày 01-4-2024 là 5.569.335đồng (Năm triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng) nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H1 phải trả toàn bộ số tiền trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

4. Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 19-6-2018, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị Ngọc H1 ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân. Địa chỉ bà H1 cung cấp theo Hợp đồng tín dụng là số 266, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay có tranh chấp xảy ra, Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại thời điểm ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng, bị đơn cung cấp địa chỉ cư trú tại nhà số B, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án, bị đơn đã thay đổi địa chỉ, bị đơn là người có nghĩa vụ nhưng khi thay đổi địa chỉ không thông báo cho nguyên đơn biết, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định, bị đơn cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường nơi địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc: Mặc dù hàng tháng đã được Ngân hàng N nhưng quá 03 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) liên tiếp bà H1 vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 22-4-2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 11.672.248đồng của bà H1 tại thời điểm này sang nợ gốc. Đến nay, bà H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc nào là vi phạm Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ và vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà H1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 11.672.248đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu trả nợ lãi: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi trong hạn là 2,766%/tháng; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn (Mục 1.24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Từ thời điểm ngày 22-4-2023 đến ngày 01-4-2024 (xét xử sơ thẩm) là 345 ngày, bà H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ lãi quá hạn nào nên bà H1 còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là:

[(11.672.248đồng x (2,766%/tháng x150%)]:30ngày x 345 ngày = 5.569.335đồng.

Từ phân tích [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ gốc và tính lãi quá hạn đúng thời gian vi phạm, đúng các thoả thuận theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã cam kết và phù hợp với Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 17.241.583đồng, trong đó nợ gốc là 11.672.248đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 22-4-2023 đến ngày 01-4-2024 là 5.569.335đồng và bà H1 còn phải trả lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Trần Thị Ngọc H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 17.241.583đồng (Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 11.672.248đồng (Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 22-4-2023 đến ngày 01-4-2024 là 5.569.335đồng (Năm triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng). m

Tính từ ngày 02-4-2024, bị đơn bà Trần Thị Ngọc H1 còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 356480-6812 – MC Contactless Cre Gold, loại thẻ Master cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Ngọc H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 861.470đồng (T1 trăm sáu mươi mốt ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001368 ngày 09-10-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thế Dũng